

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 38

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kien Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Trưởng ban
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kien Phương	Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt.
Bà Đặng Kien Phương

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo. Báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các Công ty con như được trình bày trong các thuyết minh của Báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("nhóm Công ty") cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đề ngày 28 tháng 01 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt nam
Ngày 28 tháng 01 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10,173,298,405,644	7,388,917,787,512
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,712,832,339,068	1,355,630,787,362
1. Tiền	111	4	338,769,495,658	136,989,796,846
2. Các khoản tương đương tiền	112	4	1,374,062,843,410	1,218,640,990,516
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		681,448,455,000	
1. Chứng khoán kinh doanh	121	12	772,336,660,000	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	12	(90,888,205,000)	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3,214,251,843,387	2,591,305,155,134
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.1	3,008,158,878,176	2,185,664,564,672
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.2	87,505,230,544	81,122,409,635
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	101,450,825,241	295,489,850,231
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	19,901,913,850	74,269,790,155
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.1	(2,765,004,424)	(45,241,459,559)
IV. Hàng tồn kho	140	8	4,256,474,414,448	3,234,217,020,563
1. Hàng tồn kho	141		4,390,361,063,667	3,360,560,118,752
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(133,886,649,219)	(126,343,098,189)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		308,291,353,741	207,764,824,453
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	16,938,277,823	17,760,882,947
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		290,242,666,097	189,313,737,701
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1,110,409,821	690,203,805

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		758,590,192,854	809,512,734,587
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13,244,678,567	13,893,155,431
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	13,244,678,567	13,893,155,431
II. Tài sản cố định	220		123,666,031,096	138,039,935,832
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	53,592,476,863	63,228,307,485
<i>Nguyên giá</i>	222		108,196,137,631	107,620,428,414
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(54,603,660,768)	(44,392,120,929)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	70,073,554,233	74,811,628,347
<i>Nguyên giá</i>	228		85,926,666,484	85,926,666,484
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(15,853,112,251)	(11,115,038,137)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	475,451,749,995	532,926,784,630
1. Đầu tư vào công ty con	251		452,637,988,912	628,995,750,000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		40,233,974,607	-
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(17,420,213,524)	(96,068,965,370)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		146,227,733,196	124,652,858,694
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	11,287,531,318	13,646,620,976
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		134,940,201,878	111,006,237,718
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		10,931,888,598,498	8,198,430,522,099

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		7,515,780,619,797	5,207,768,578,779
I. Nợ ngắn hạn	310		7,511,246,990,370	5,205,234,949,352
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14.1	3,473,883,046,016	2,215,202,145,037
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14.2	268,604,293,557	133,819,882,215
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	31,262,928,724	41,320,395,376
4. Phải trả người lao động	314		30,158,411,816	24,971,951,644
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	432,483,797,296	332,600,299,949
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	564,002,834,986	25,471,301,184
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	2,710,851,677,975	2,431,848,973,947
II. Nợ dài hạn	330		4,533,629,427	2,533,629,427
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	4,533,629,427	2,533,629,427
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3,416,107,978,701	2,990,661,943,320
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	3,416,107,978,701	2,990,661,943,320
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2,213,201,690,000	2,193,201,690,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2,213,201,690,000	2,193,201,690,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		61,233,761,416	61,233,761,416
3. Cổ phiếu quỹ	415		(6,272,937,166)	(6,272,937,166)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		400,000,000	400,000,000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1,147,545,464,451	742,099,429,070
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		632,515,079,070	299,906,801,534
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		515,030,385,381	442,192,627,536
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		10,931,888,598,498	8,198,430,522,099

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2026


Trần Quế Tâm
Người lập biểu

Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởngĐoàn Hồng Việt
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		LŨY KẾ		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20.1	7,792,668,105,638	5,661,230,248,907	25,577,925,155,748	21,149,689,158,718	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20.1	(299,423,451,626)	(279,807,814,187)	(607,569,160,801)	(497,127,548,465)	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20.1	7,493,244,654,012	5,381,422,434,720	24,970,355,994,947	20,652,561,610,253	
4. Giá vốn hàng bán	11	21	(6,901,999,941,119)	(4,859,602,391,622)	(23,009,799,183,209)	(18,900,573,936,080)	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		591,244,712,893	521,820,043,098	1,960,556,811,738	1,751,987,674,173	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20.2	78,012,324,300	56,323,224,527	268,643,749,178	202,089,345,812	
7. Chi phí tài chính	22	22	(152,432,600,892)	(50,248,186,605)	(308,526,124,565)	(139,403,675,856)	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		(38,240,089,377)	(27,385,248,554)	(135,112,093,534)	(89,925,940,519)	
8. Chi phí bán hàng	25	23	(292,950,227,705)	(312,660,060,840)	(1,143,308,232,718)	(1,122,414,397,754)	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	(39,288,796,006)	(38,047,642,410)	(144,323,147,466)	(133,273,673,437)	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		184,585,412,590	177,187,377,770	633,043,056,167	558,985,272,938	
11. Thu nhập khác	31	24	22,384,406,305	(2,372,954,639)	25,913,054,557	1,934,856,129	
12. Chi phí khác	32	24	(6,874,924,237)	1,215,293,829	(12,013,169,825)	(6,221,154,464)	
13. Lợi nhuận khác	40	24	15,509,482,068	(1,157,660,810)	13,899,884,732	(4,286,298,335)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		200,094,894,658	176,029,716,960	646,942,940,899	554,698,974,603	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	(72,948,645,945)	(57,577,492,620)	(155,846,519,678)	(131,560,599,364)	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		31,256,602,779	21,737,785,831	23,933,964,160	19,054,252,297	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		158,402,851,492	140,190,010,171	515,030,385,381	442,192,627,536	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2026



Trần Quốc Tâm
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng

Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03a-DN

BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Thuyết minh	QUÝ IV		LŨY KẾ		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh							
1. Lợi nhuận trước thuế	01		200,094,894,658	176,029,716,960	646,942,940,899	554,698,974,603	
2. Điều chỉnh cho các khoản:							
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3,802,109,566	3,182,504,918	15,167,489,942	11,622,252,972	
- Các khoản dự phòng	03		43,918,813,756	(29,015,699,464)	99,276,647,148	(13,506,801,663)	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1,874,484,228)	445,700,573	(1,874,484,228)	445,700,573	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17,735,040,432)	(22,392,406,991)	(64,771,783,124)	(67,380,737,900)	
- Chi phí lãi vay	06		38,240,089,377	27,385,248,554	135,112,093,534	89,925,940,519	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		266,446,382,697	155,635,064,550	829,852,904,171	575,805,329,104	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1,181,721,545,997	298,256,500,481	(915,452,561,301)	(555,584,796,467)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1,400,013,486,979)	(562,814,735,806)	(1,029,800,944,915)	(407,372,550,735)	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2,212,682,360,318	667,385,838,458	2,036,019,024,273	430,354,340,644	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	12		2,044,238,117	838,561,568	3,181,694,782	(10,477,259,020)	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	13		(772,336,660,000)	-	(772,336,660,000)	-	
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	14		(34,947,983,761)	(27,537,281,273)	(131,017,987,100)	(92,017,986,081)	
- Tiền lãi vay đã trả	15		(90,320,852,917)	(75,947,432,252)	(165,993,434,196)	(115,547,475,619)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp							
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1,365,275,543,472	455,816,515,126	(145,547,964,286)	(174,840,398,174)	

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

		QUÝ IV		LŨY KẾ		Đơn vị tính: VND
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(42,325,000)	(15,830,115,792)	(256,688,864)	(54,894,392,049)	
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	3,181,818,182	
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(56,900,841,000)	(170,643,825,478)	(357,648,468,892)	(599,605,190,051)	
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	81,748,867,685	128,585,972,780	551,687,493,882	564,175,339,820	
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	-	-	(35,400,000,000)	(24,050,000,000)	
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	-	-	32,800,000,000	-	
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	10,581,459,287	22,133,616,309	64,673,853,803	67,077,996,047	
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	35,387,160,972	(35,754,352,181)	255,856,189,929	(44,114,428,051)	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	87,000,000	20,000,000,000	20,000,000,000	20,000,000,000	
32	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-	-	(30,000,000)	
33	Tiền thu từ đi vay	2,747,268,112,363	2,686,480,818,523	12,894,842,006,433	11,245,593,099,866	
34	Tiền trả nợ gốc vay	(3,127,173,779,112)	(2,914,612,130,307)	(12,558,639,302,404)	(11,018,545,361,374)	
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-	(109,584,350,000)	(83,526,637,000)	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(379,818,666,749)	(208,131,311,784)	246,618,354,029	163,491,101,492	
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1,020,844,037,695	211,930,851,761	356,926,579,672	(55,463,724,733)	
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	691,713,329,339	1,143,402,297,860	1,355,630,787,362	1,310,796,874,354	
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	274,972,034	297,637,741	274,972,034	297,637,741	
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	1,712,832,339,068	1,355,630,787,362	1,712,832,339,068	1,355,630,787,362	



Trần Quế Tâm
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2026



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch HĐQT

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gởi hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 486 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 475).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đề ngày 28 tháng 01 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	2 - 6 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	69,379,000	86,423,000
Tiền gửi ngân hàng	338,700,116,658	136,903,373,846
Các khoản tương đương tiền (*)	1,374,062,843,410	1,218,640,990,516
TỔNG CỘNG	1,712,832,339,068	1,355,630,787,362

(*) Các khoản tương đương tiền vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp và ngân hàng trị giá 1,374,062,843,410 VND. Các khoản đầu tư này được cam kết mua lại bởi các công ty chứng khoán trong khoảng thời gian dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 6.03%/năm đến 7.7%/năm.

Thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:		
Cần trừ theo Thỏa thuận Giải quyết các khoản vay	57,200,000,000	0

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**5.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu các bên khác	2,978,823,819,973	2,118,723,222,648
- Công Ty Cổ Phần Đầu tư Điện Máy Xanh & Hệ thống các chi nhánh	774,511,088,750	512,240,702,670
- Công ty Cổ Phần bán lẻ Kỹ thuật số FPT & hệ thống các chi nhánh	184,820,334,877	54,729,075,199
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ xây dựng Kỹ thuật Diệu Phúc	175,089,046,147	62,244,081,242
- Tổng Công ty công nghiệp công nghệ cao Viettel - Chi nhánh tập đoàn công nghiệp - viễn thông Quân đội.	146,126,468,880	20,295,000,000
- Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Phong Vũ.	106,411,249,483	71,748,692,281
- Công ty TNHH Thương mại tổng hợp HTV	104,721,248,934	86,610,583,031
- Khác	1,487,144,382,902	1,310,855,088,225
Phải thu bên liên quan (thuyết minh số 26)	29,335,058,203	66,941,342,024
TỔNG CỘNG	3,008,158,878,176	2,185,664,564,672
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2,765,004,424)	(12,367,360,067)
GIÁ TRỊ THUẦN	3,005,393,873,752	2,173,297,204,605

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Trả trước cho bên khác	84,310,103,343	68,883,167,207
- Công ty TNHH Công nghệ Huawei Việt Nam	61,007,442,221	45,605,023,322
- Acer Incorporated	14,389,385,970	15,278,457,277
- HP Pps Singapore (Sales) Pte Ltd	8,913,275,152	7,999,686,608
- Khác	3,195,127,201	11,967,988,178
- Trả trước bên liên quan (thuyết minh số 26)	-	271,254,250
TỔNG CỘNG	87,505,230,544	81,122,409,635

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	15,492,391,908	295,489,850,231
Phải thu bên khác	85,958,433,333	-
TỔNG CỘNG	101,450,825,241	295,489,850,231

Chi tiết phải thu về cho vay ngắn hạn tin chấp như sau:

Bên vay	Lãi suất %/năm	Ngày đến hạn	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Công ty Cổ phần Việt Money (*)	10-12	10.03.2026-01.12.2026	85,958,433,333
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	5.3-6.0	28.06.2026-17.12.2026	15,492,391,908
TỔNG CỘNG			101,450,825,241

(*) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 09A/2025/NQ-HĐQT của Công ty, HĐQT của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 81% tỷ lệ sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture ("Venture") cho nhà đầu tư khác, với giá phí là 90.000.000.000 VND. Vào ngày 25 tháng 4 năm 2025, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 12 cập nhật thay đổi về chủ sở hữu của Venture. Theo đó, Venture và các công ty con của Venture, bao gồm Công ty Cổ phần Việt Money, không còn là công ty con của Nhóm Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
DRAGON TECHNOLOGY DISTRIBUTION PTE.LTD	-	32,874,099,492
Tạm ứng cho nhân viên	644,236,392	681,329,992
Đặt cọc, ký quỹ	1,036,778,288	15,061,388
Khác	18,220,899,170	40,699,299,283
TỔNG CỘNG	19,901,913,850	74,269,790,155
Dự phòng phải thu khác	-	(32,874,099,492)
GIÁ TRỊ THUẦN	19,901,913,850	41,395,690,663
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	13,244,678,567	13,893,155,431
Trong đó:		
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	187,464,086	

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Hàng hóa	3,378,752,635,690	2,556,700,245,097
Hàng hóa đang đi đường	983,128,213,467	771,023,184,805
Hàng gửi đi bán	7,257,006,597	5,503,955,840
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21,223,207,913	27,332,733,010
TỔNG CỘNG	4,390,361,063,667	3,360,560,118,752
Dự phòng HTK	(133,886,649,219)	(126,343,098,189)
GIÁ TRỊ THUẦN	4,256,474,414,448	3,234,217,020,563

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Số đầu kỳ	126,343,098,189	126,478,296,819
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	200,484,084,025	138,439,676,501
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(192,940,532,995)	(138,574,875,131)
Số cuối kỳ	133,886,649,219	126,343,098,189

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Chi phí hoạt động	16,809,330,147	17,677,518,120
Công cụ, dụng cụ	128,947,676	83,364,827
TỔNG CỘNG	16,938,277,823	17,760,882,947
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	1,584,064,791	2,555,597,286
Chi phí hoạt động	9,703,466,527	11,091,023,690
TỔNG CỘNG	11,287,531,318	13,646,620,976

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09a-DN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	41,968,230,735	5,758,428,509	55,342,849,696	4,550,919,474	107,620,428,414
Mua sắm	-	-	-	793,585,206	793,585,206
Thanh lý, nhượng bán	-	(52,575,989)	-	(165,300,000)	(217,875,989)
Số cuối kỳ	41,968,230,735	5,705,852,520	55,342,849,696	5,179,204,680	108,196,137,631
Trong đó:					
Đã khấu hao hết		5,310,658,076	6,998,477,099	2,754,307,140	15,063,442,315
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	(13,347,636,151)	(5,460,127,775)	(22,346,925,321)	(3,237,431,678)	(44,392,120,929)
Khấu hao trong năm	(1,685,007,104)	(94,425,132)	(8,106,875,673)	(543,107,923)	(10,429,415,832)
Thanh lý, nhượng bán	-	52,575,989	-	165,300,000	217,875,989
Số cuối kỳ	(15,032,643,255)	(5,501,976,918)	(30,453,800,994)	(3,615,239,601)	(54,603,660,768)
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	28,620,594,584	298,300,734	32,995,924,375	1,313,487,796	63,228,307,489
Số cuối kỳ	26,935,587,480	203,875,602	24,889,048,702	1,563,965,079	53,592,476,863

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Phần mềm</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	28,544,490,304	57,382,176,180	85,926,666,484
Số cuối kỳ	28,544,490,304	57,382,176,180	85,926,666,484
<i>Trong đó</i>			
<i>đã hao mòn hết</i>	9,295,689,512		
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	(11,115,038,137)	-	(11,115,038,137)
Khấu hao trong năm	(4,738,074,114)	-	(4,738,074,114)
Số cuối kỳ	(15,853,112,251)		(15,853,112,251)
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	17,429,452,167	57,382,176,180	74,811,628,347
Số cuối kỳ	12,691,378,053	57,382,176,180	70,073,554,233

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2024
	<i>Giá gốc VND</i>	<i>Dự phòng VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>	<i>Giá gốc VND</i>
Chứng khoán kinh doanh				
- Cổ phiếu HPG	227,249,880,000	(12,089,880,000)	215,160,000,000	-
- Cổ phiếu TCB	286,012,710,000	(52,182,710,000)	233,830,000,000	-
- Cổ phiếu VPB	77,528,990,000	(6,763,490,000)	70,765,500,000	-
- Cổ phiếu Khác	181,545,080,000	(19,852,125,000)	161,692,955,000	-
TỔNG CỘNG	772,336,660,000	(90,888,205,000)	681,448,455,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ
Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Tỷ lệ %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ %	Giá gốc VND
Đầu tư vào công ty con trực tiếp						
Công ty TNHH Digiworld Venture (*)		-		-	100	602,000,000,000 - 96,068,965,370
Công ty TNHH Nexta Capital (*)	100	425,642,238,912		425,642,238,912		505,931,034,630
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam (**)	90	26,995,750,000		26,995,750,000	90	26,995,750,000
Đầu tư vào công ty khác						
Công ty TNHH Digiworld Venture	19	40,233,974,607	(17,420,213,524)	22,813,761,083		-
TỔNG CỘNG		492,871,963,519	(17,420,213,524)	475,451,749,995		628,995,750,000 (96,068,965,370) 532,926,784,630

(*) Công ty TNHH Digiworld Venture ("Venture") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313309149 do SKHĐT cấp ngày 16 tháng 6 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Venture là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử. Venture có trụ sở đăng ký tại Số 195 – 197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Nexta Capital ("Nexta") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0318829328 do SKHĐT cấp ngày 6 tháng 2 năm 2025 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Nexta là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán). Nexta có trụ sở đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, Số 11 Đường Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Venture hoàn thành việc chia tách công ty thành 2 công ty bao gồm Venture và Nexta theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2025/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 1 năm 2025. Theo đó, Venture sẽ chuyển một phần vốn điều lệ cùng tài sản, quyền và nghĩa vụ tương ứng để thành lập công ty mới là Nexta.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Công ty hoàn thành việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Venture theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 09A/2025/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Venture giảm từ 100% xuống còn 19%, Venture không còn là Công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Trong 6 tháng đầu năm 2025, Công ty hoàn thành góp vốn thêm vào Nexta bằng tiền với tổng giá trị là 35,400.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(**) Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam ("B2X") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0314800952 do SKHĐT cấp ngày 22 tháng 12 năm 2017, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của B2X là cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý, lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn liên quan đến lắp đặt phần cứng máy tính và các dịch vụ máy tính khác.

Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của các cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**14.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Asus Global Pte. Ltd	1,031,772,003,394	265,516,588,699
Công ty TNHH Xiaomi Việt Nam	733,816,199,624	31,537,467,380
Công ty TNHH Apple Việt Nam	708,594,364,805	734,220,109,000
Lenovo (Singapore) Pte. Ltd.	199,931,815,515	20,690,802,574
Công ty TNHH Công nghệ HP	189,770,628,951	26,378,550,000
Xiaomi H.K Limited	131,477,871,504	800,527,864,819
Nhà cung cấp khác	478,520,162,223	336,330,762,565
TỔNG CỘNG	3,473,883,046,016	2,215,202,145,037
Trong đó:		
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 26)	9,720,008	

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
XIAOMI H.K LIMITED	70,554,215,438	86,067,701,194
CÔNG TY CP TƯ VẤN CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ IT	69,273,061,609	-
CÔNG TY CỔ PHẦN INTEKCOM	68,188,578,215	-
Khác	60,588,438,295	47,752,181,021
TỔNG CỘNG	268,604,293,557	133,819,882,215

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chiết khấu thương mại	247,087,720,818	162,936,326,356
Chi phí hoạt động và hỗ trợ bán hàng	168,365,898,526	152,365,583,237
Chi phí lãi vay	6,043,083,652	1,948,977,218
Khác	10,987,094,300	15,349,413,138
TỔNG CỘNG	432,483,797,296	332,600,299,949
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 26)</i>	2,286,108,863	17,912,329,958

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Chi trả hộ	30,304,028,483	19,269,544,343
Phải trả BHXH, BHYT, CĐ, trợ cấp thất nghiệp	2,957,258,441	2,716,196,275
Nhận ký quỹ, ký cược	3,831,733,700	2,430,000,000
Phải trả khác	526,909,814,362	1,055,560,566
Cộng	564,002,834,986	25,471,301,184
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	4,533,629,427	2,533,629,427
Cộng	4,533,629,427	2,533,629,427
TỔNG CỘNG	568,536,464,413	28,004,930,611

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09a-DN

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	189,313,737,701	3,514,930,584,309	(3,414,001,655,913)	290,242,666,097
Thuế xuất, nhập khẩu	690,203,805	39,348,420,635	(38,928,214,619)	1,110,409,821
TỔNG CỘNG	190,003,941,506	3,554,279,004,944	(3,452,929,870,532)	291,353,075,918
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40,929,433,592	155,846,519,678	(165,993,434,196)	30,782,519,074
Thuế thu nhập cá nhân	390,239,360	10,101,304,576	(10,011,895,059)	479,648,877
Thuế GTGT phải nộp	722,424	3,417,260,898,868	(3,417,260,860,519)	760,773
Thuế khác	-	4,274,999,307	(4,274,999,307)	-
TỔNG CỘNG	41,320,395,376	3,587,483,722,429	(3,597,541,189,081)	31,262,928,724

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09a-DN

18. VAY NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Vay ngân hàng	2,374,648,973,947	12,894,842,006,433	(12,558,639,302,405)	2,710,851,677,975
Vay từ bên liên quan (thuyết minh số 26)	57,200,000,000	-	(57,200,000,000)	-
	2,431,848,973,947	12,894,842,006,433	(12,615,839,302,405)	2,710,851,677,975

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày đến hạn thanh toán	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
1 Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - CN TP.HCM	763,334,774,400	Ngày 03/02/2026 đến 03/03/2026	Từ 4.56% đến 5.15%	Không có tài sản đảm bảo
2 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	741,637,481,543	Ngày 12/01/2026 đến 27/02/2026	Từ 4.3% đến 4.8%	Không có tài sản đảm bảo
3 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	480,225,488,414	Ngày 08/01/2026 đến 12/02/2026	Từ 4.2% đến 4.4%	Không có tài sản đảm bảo
4 Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	411,540,389,213	Ngày 14/01/2026 đến 18/03/2026	Từ 4.41% đến 5.6%	Không có tài sản đảm bảo
5 Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	314,113,544,405	Ngày 10/03/2026 đến 17/03/2026	5.50%	Không có tài sản đảm bảo
TỔNG CỘNG	2,710,851,677,975			

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09a-DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 *Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần			Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
								Tổng cộng
Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024								
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1,672,244,430,000		61,233,761,416		(6,439,937,166)	400,000,000	884,587,698,534	2,612,025,952,784
Phát hành cổ phiếu ESOP	20,000,000,000		-		-	-	-	20,000,000,000
Mua lại Cổ phiếu	-		-		(30,000,000)	-	-	(30,000,000)
Giảm vốn do mua lại cổ phiếu quỹ	(197,000,000)		-		197,000,000	-	-	-
Cổ tức công bố	-		-		-	-	(83,526,637,000)	(83,526,637,000)
Phát hành cổ phiếu thưởng	501,154,260,000		-		-	-	(501,154,260,000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-		-		-	-	442,192,627,536	442,192,627,536
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	2,193,201,690,000		61,233,761,416		(6,272,937,166)	400,000,000	742,099,429,070	2,990,661,943,320
Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025								
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	2,193,201,690,000		61,233,761,416		(6,272,937,166)	400,000,000	742,099,429,070	2,990,661,943,320
Cổ tức công bố (*)	-		-		-	-	(109,584,350,000)	(109,584,350,000)
Phát hành cổ phiếu ESOP (**)	20,000,000,000		-		-	-	-	20,000,000,000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-		-		-	-	515,030,385,381	515,030,385,381
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	2,213,201,690,000		61,233,761,416		(6,272,937,166)	400,000,000	1,147,545,464,451	3,416,107,978,701

(*) Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2025/NQ-HĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị quyết 13/2025/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 05 năm 2025 công bố chi trả cổ tức bằng tiền (mỗi cổ đông đang nắm giữ 1 cổ phiếu nhận 500 VND) với tổng số tiền là 109.584.350.000 VND.

(**) Căn cứ vào Nghị quyết 02, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị Quyết số 17/2025/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 08 năm 2025, Nghị Quyết số 23/2025/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 09 năm 2025 và Nghị Quyết số 25/2025/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc phát hành 2.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

Vào ngày 03 tháng 10 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 2.000.000 cổ phiếu này. Vào ngày 14 tháng 10 năm 2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty. Theo đó, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 36 do SKHĐT cấp ngày 29 tháng 10 năm 2025, về việc tăng vốn cổ phần của Công ty lên 2.213.201.690.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**19.2 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Cổ phiếu đã được duyệt	221,320,169	219,320,169
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	221,320,169	219,320,169
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	221,320,169	219,320,169
<i>Cổ phiếu quỹ</i>	(151,469)	(151,469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151,469)	(151,469)
Cổ phiếu đang lưu hành	221,168,700	219,168,700
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	221,168,700	219,168,700

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

20. DOANH THU**20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tổng doanh thu:	25,577,925,155,748	21,149,689,158,718
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	25,124,102,943,619	20,735,622,242,372
Doanh thu cung cấp dịch vụ	453,822,212,129	414,066,916,346
Các khoản giảm trừ doanh thu	(607,569,160,801)	(497,127,548,465)
Hàng bán bị trả lại và chiết khấu thương mại	(607,569,160,801)	(497,127,548,465)
DOANH THU THUẦN	24,970,355,994,947	20,652,561,610,253
Trong đó		
Doanh thu đối với bên khác	24,752,559,330,082	20,406,164,308,015
Doanh thu đối với các bên liên quan	217,796,664,865	246,397,302,238

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	14,680,823,285	20,617,327,684
Lãi chênh lệch tỷ giá	66,096,465,265	81,363,917,962
Chiết khấu thanh toán	71,356,081,504	53,136,511,819
Lãi trái phiếu	50,304,410,580	46,460,668,363
Lãi từ chứng khoán kinh doanh	65,683,260,083	-
Khác	522,708,461	510,919,984
Cộng	268,643,749,178	202,089,345,812

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Giá vốn hàng bán	22,667,134,975,573	18,553,451,585,773
Giá vốn cung cấp dịch vụ	342,664,207,636	347,122,350,307
	23,009,799,183,209	18,900,573,936,080

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí lãi vay	135,112,093,534	89,925,940,519
Lỗ do thanh lý chứng khoán kinh doanh	63,021,676,189	32,780,575,000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15,878,570,610	28,810,529,735
Dự phòng đầu tư	90,888,205,000	(15,033,452,250)
Lỗ do thanh lý công ty con	2,875,034,635	-
Khác	750,544,597	2,920,082,852
Cộng	308,526,124,565	139,403,675,856

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	65,184,392,046	56,800,911,740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45,977,788,999	48,557,975,324
Chi phí vận chuyển	47,197,701,606	46,757,779,979
Chi phí quảng cáo, KM, hỗ trợ bán hàng	967,687,947,205	946,576,423,469
Chi phí khác	17,260,402,862	23,721,307,242
	1,143,308,232,718	1,122,414,397,754
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	67,916,118,500	62,207,878,327
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35,927,666,560	28,074,116,710
Chi phí khác	40,479,362,406	42,991,678,400
	144,323,147,466	133,273,673,437

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Thu nhập khác	25,913,054,557	1,934,856,129
Thu nhập khác	25,913,054,557	1,934,856,129
Chi phí khác	(12,013,169,825)	(6,221,154,464)
Các khoản chi phí khác	(12,013,169,825)	(6,221,154,464)
THU NHẬP THUẦN	13,899,884,732	(4,286,298,335)

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí mua hàng và dịch vụ	23,009,799,183,209	18,900,573,936,080
Chi phí nhân công	133,100,510,546	119,008,790,067
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh số 11 và 12)	15,167,489,942	11,622,252,972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	129,103,157,165	123,389,872,013
Chi phí quảng cáo, KM, hỗ trợ bán hàng	967,687,947,205	946,576,423,469
Chi phí bằng tiền khác	42,572,275,326	55,090,732,670
	24,297,430,563,393	20,156,262,007,271

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	155,846,519,678	131,560,599,364
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(23,933,964,160)	(19,054,252,297)
TỔNG CỘNG	131,912,555,518	112,506,347,067

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN

	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Lợi nhuận kế toán trước thuế	646,942,940,899	554,698,974,603
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	129,388,588,180	110,939,794,921
Các khoản điều chỉnh khác		
Chi phí không được khấu trừ thuế	2,577,363,366	1,446,223,127
Điều chỉnh thuế TNDN chưa ghi nhận trong những năm trước.	5,739,910,789	-
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(1,529,670,180)	-
Điều chỉnh khác	(4,263,636,637)	120,329,019
Chi phí thuế TNDN	131,912,555,518	112,506,347,067

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán.

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Bảng cân đối kế toán riêng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí phải trả	86,501,188,330	66,523,825,006
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	26,777,329,843	25,268,619,638
Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn	18,177,641,000	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	3,484,042,705	19,213,793,074
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	134,940,201,878	111,006,237,718

Báo cáo kết quả
hoạt động kinh doanh riêng

	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí phải trả	19,977,363,344	19,174,325,372
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1,508,710,185	(27,039,705)
Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn	18,177,641,000	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(15,729,750,369)	(93,033,370)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	23,933,964,160	19,054,252,297

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09a-DN

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa, dịch vụ	92,796,414,462	144,001,341,890
		Mua dịch vụ, hàng hóa	92,180,027,475	3,637,563,123
		Lãi cho vay	2,192,990,087	1,817,901,368
		Cho vay	193,450,000,000	113,500,000,000
		Đã trả nợ vay	215,450,000,000	120,000,000,000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển thị trường C.L và Chi nhánh	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa, dịch vụ	283,395,852	280,187,365
		Mua dịch vụ, hàng hóa	1,294,599,137	1,141,016,894
		Lãi cho vay	4,130,699,110	4,047,817,012
		Cho vay	55,940,035,559	239,165,089,677
		Đã trả nợ vay	229,476,760,548	168,895,972,780
Công ty Cổ phần A Chi Sơn và chi nhánh	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa, dịch vụ	4,309,054,047	12,188,890,168
		Mua dịch vụ, hàng hóa	-	571,779,959
		Lãi cho vay	199,213,014	2,826,833,453
		Cho vay	18,800,000,000	148,879,367,040
		Đã trả nợ vay	36,400,000,000	196,279,367,040
Công ty TNHH MTV DPHARMA	Công ty con gián tiếp	Mua dịch vụ, hàng hóa	5,229,816,420	5,247,727,283
		Đi vay	-	-
		Lãi đi vay	-	57,200,000,000
		Đã trả nợ vay	57,200,000,000	138,301,370
Công ty TNHH Nexia	Công ty con trực tiếp	Góp vốn	35,400,000,000	-
		Bán hàng hóa, dịch vụ	54,545,454	-
		Bán hàng hóa, dịch vụ	120,308,658,675	89,920,064,633
		Bán hàng hóa, dịch vụ	-	-

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Công ty cổ phần Việt Money	Công ty con gián tiếp đến 31.03.2025	Bán hàng hóa, dịch vụ Lãi cho vay Cho vay Đã trả nợ vay	99,141,829	-
			8,718,144,683	10,100,913,512
			89,458,433,333	98,060,733,334
			70,360,733,334	79,000,000,000
Công ty Cổ phần thương mại và sản xuất Bellvina	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	6,818,182
		Bán hàng hóa, dịch vụ	664,002,263	18,333,334
Công ty TNHH B2x Care Solutions Việt Nam	Công ty con gián tiếp			
Bà Tô Tiểu Yến	Chị của Thành viên HĐQT	Thuê nhà	210,000,000	-

Các khoản phải thu các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
VND				
Phải thu ngắn hạn của Khách hàng				
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology Công ty cổ phần A Chi Sơn	Công ty con gián tiếp Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	15,415,702,591	37,773,606,356
		Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	13,846,000	-
Chi nhánh Công ty cổ phần A Chi Sơn	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	104,724,401	2,872,896,085
Công ty TNHH B2x Care Solutions Việt Nam	Công ty con trực tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	56,671,464	-
Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đại Tin	Công ty liên kết gián tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	13,744,113,747	26,294,839,583
			29,335,058,203	66,941,342,024

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp)

Các khoản phải thu các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau (tiếp theo):

Phải thu ngắn hạn khác

		Ngày 31 tháng 12 năm 2025	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	-	220,376,712
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Công ty con gián tiếp	16,743,308	196,024,244
Công ty Cổ phần Achison	Công ty con gián tiếp	-	31,536,986
Công ty Cổ phần Việt Money (*)	Công ty con gián tiếp	170,720,778	256,661,956
		187,464,086	704,599,898

Phải thu dài hạn khác

Công ty TNHH Một Thành viên Dpharma	Công ty con gián tiếp	3,742,457,104	3,742,457,104
--	--------------------------	----------------------	----------------------

Phải thu về cho vay ngắn hạn

Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	-	22,000,000,000
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Phát Triển Thị Trường C.L	Công ty con gián tiếp	15,492,391,908	189,029,116,897
Công ty cổ phần A Chi Sơn	Công ty con gián tiếp	-	17,600,000,000
Công ty cổ phần Việt Money (*)	Công ty con gián tiếp	85,958,433,333	66,860,733,334
		101,450,825,241	295,489,850,231

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty Cổ phần Việt Money không còn là công ty con gián tiếp của Công ty. (Thuyết minh số 6)

Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	-	271,254,250
	Ứng trước cung ứng hàng hóa		271,254,250

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp)

Các khoản phải trả các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau (tiếp theo):

Phải trả người bán ngắn hạn

		Ngày 31 tháng 12 năm 2025	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ	9,720,008
Chi phí phải trả ngắn hạn			
Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Giảm trừ doanh thu	2,286,108,863
Công ty TNHH Digiworld Venture	Công ty con trực tiếp_31.03.25	Chi phí lãi vay	54,849,315
			17,912,329,958
Vay ngắn hạn			
Công ty TNHH Digiworld Venture	Công ty con trực tiếp_31.03.25	Vay	57,200,000,000

Thủ lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và ủy Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị như sau:

		Thủ lao	VND
Tên	Chức vụ	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	200,863,000	194,797,639
Bà Đặng Kiên Phương	Tổng Giám đốc	204,516,000	198,275,228
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (đến 01.09.2024)	192,452,000	186,109,000
Ông Shekhar Himanshu	Thành viên độc lập	-	1,133,787,004
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập	120,000,000	120,000,000
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập	120,000,000	120,000,000
		837,831,000	1,952,968,871

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên HĐQT/ Chủ tịch Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên HĐQT/ Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị
Bà Tô Tiểu Yến	Chị của Thành viên HĐQT
Công ty TNHH Nexta Capital	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV Digiworld Venture	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	(đến ngày 31 tháng 3 năm 2025) Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thương Mại và Sản xuất Bellvina	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV DPharma	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Achison	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Việt Money Holdings	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Việt Money	(đến ngày 31 tháng 3 năm 2025) Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Giải pháp Bất động sản Việt Land	(đến ngày 31 tháng 3 năm 2025) Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Việt Technologies	(đến ngày 31 tháng 3 năm 2025) Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH B2X Care Solutions Việt Nam	(đến ngày 31 tháng 3 năm 2025) Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH MTV Created Future	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV DHV	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV DKP	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV TOHT	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

28. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dưới 1 năm	52,250,213,994	57,983,601,264
Từ 1 đến 5 năm	77,198,242,385	126,003,360,618
Trên 5 năm	11,000,000	3,599,369,062
TỔNG CỘNG	129,459,456,379	187,586,330,943

Bảo lãnh

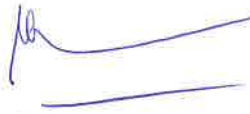
Công ty đã bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology, Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Phát Triển Thị Trường C.L và Công ty Cổ phần Achison với số tiền tối đa lần lượt là 80.000.000.000 VND, 200.000.000.000 VND và 280.000.000.000 VND.

29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Trần Quốc Tâm
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch HĐQT